

Bản án số: 53/2022/HSST

Ngày: 18-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Tâm

2. Ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Phong- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2022/HSST ngày 21-7-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HS ngày 04-8-2022, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn a, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Bùi Thế Q và bà Lê Thị H; có vợ là Nguyễn Đình Minh N (đã ly hôn) và 02 con; bị bắt tạm giữ từ ngày 06-03-2021; đang tạm giam – Có mặt.

2. Đoàn Thị Phương V, sinh năm 2001 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố b, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: thợ tóc; con ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị T; chưa có chồng, con; bị bắt tạm giữ từ 06-03-2021 đến ngày 15-4-2022 được thay thế biện pháp bảo lãnh; đang tại ngoại – Có mặt.

3. Phạm Thái H, sinh năm 1992 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ Công an; con ông Phạm Hồng C và bà Trương Thị Mỹ L; chưa có vợ, con; bị bắt tạm giữ từ 06-03-2021 đến ngày 13-6-2022 được thay thế biện pháp bảo lãnh; đang tại ngoại – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T:

Ông Nguyễn Văn T – Có đơn xin xét xử vắng mặt

Ông Phạm Hoài Q – Có mặt

Cùng là Luật sư Công ty luật S, địa chỉ: Tổ 02, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị Phương V: Ông Huỳnh Đ – Luật sư Văn Phòng luật sư H, địa chỉ: Tổ b, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người làm chứng:

Chị Phùng Mỹ L, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Anh Ngô Văn K, địa chỉ: Thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Anh Đỗ Minh Đ, địa chỉ: Khối c, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Anh Đặng Văn H, địa chỉ: Tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Gia Nghĩa trong vụ án khác

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 04/3/2021, Bùi Văn T một mình đi xe khách từ nơi ở của T tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương đến thành phố G, tỉnh Đắk Nông để gặp bạn là Đoàn Thị Phương V. Khi đi T đem theo 01 túi nilon chứa ma túy (gồm *Ketamine* và *thuốc lắc*) để đến thành phố G sử dụng cùng bạn bè. Khi đến nơi, T ở cùng với V tại phòng trọ số 112 do V thuê thuộc khu vực khách sạn N tại tổ dân phố b, phường N, thành phố G. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T và V rủ bạn là Đỗ Minh Đ và Phạm Thái H (*là cán bộ trại giam Đ, thuộc xã Đ, huyện Đ*) đến quán Bar L thuộc tổ dân phố c, phường N chơi thì Đ và H đồng ý; H rủ thêm bạn là Ngô Văn K thì K đồng ý đi cùng H.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Đ một mình điều khiển xe ô tô Vinfast Lux A BKS 51H-279.81 đến khách sạn N để chờ V và T. Khi V ra khỏi phòng thì T lấy từ trong ba lô số ma túy T đã đem về, T sử dụng 01 viên thuốc lắc rồi giấu 02 viên thuốc lắc và 01 chấm ma túy *Ketamine* vào trong người để lên quán bar sử dụng; số ma túy còn lại T cất vào tủ quần áo lót của V rồi đi ra khỏi phòng và khóa cửa. Đến 23 giờ cùng ngày thì T, V, Đ đến quán Bar L và ngồi tại bàn Vip 07. Tại đây, T lấy 02 viên thuốc lắc và 01 chấm ma túy *Ketamine* từ trong người ra rồi cùng V, Đ sử dụng. Khoảng 30 phút sau, H, K đến quán Bar L. Tại đây, 05 người T, V, Đ, H, K cùng nhau uống bia và sử dụng ma túy.

Đến 00 giờ 22 phút ngày 05/3/2021, Đ thanh toán tiền tại quán Bar hết khoảng 1.000.000đ rồi điều khiển xe ô tô chở V, T, H, K về. Trên xe V lấy điện thoại của mình gọi cho đối tượng Đặng Văn H1 hỏi mua nửa hộp ma túy *Ketamine* để tiếp tục sử dụng thì H1 đồng ý bán và báo giá 4.000.000đ. Lúc này, V quay ra băng ghế sau nói với H: “*lúc này trên quán Bar em, T, Minh Đ lo rồi, giờ tiếp tục đi chơi, anh với anh K mỗi người bỏ 2.000.000đ*” thì H đồng ý, còn K không nói gì. Tiếp đó V hẹn H1 đến khách sạn N giao ma túy. Sau khi liên hệ mua ma túy xong, H lấy điện thoại chuyển 4.000.000đ từ tài khoản ngân hàng của H đến số tài khoản của V; trên đường đi, V nói Đ điều khiển xe đến khách sạn N

Khi đến khách sạn, T đến quầy lễ tân gặp quản lý là bà Trần Thị Quỳnh N thuê phòng rồi T dẫn Đ, K lên phòng trước, H điều khiển xe ô tô của Đỗ Minh Đ xuống tầng hầm để xe, V đi một mình xuống phòng của Nguyễn Thị V lấy dụng cụ sử dụng ma túy rồi sang phòng 112 của V để thay quần áo. Khi mở cửa tủ quần áo thì V phát hiện số ma túy T cất giấu trong quần áo lót của mình nên cầm lên xem rồi để lại chỗ cũ. Đến 00 giờ 41 phút cùng ngày, Đặng Văn H1 gọi điện thoại hẹn V xuống khu vực phía sau khách sạn New Sunrise để lấy ma túy. Nghe vậy thì V đi bộ ra khu vực phía sau khách sạn, tại đây H1 đang đứng đợi sẵn. Do không có tiền mặt nên V đã chuyển số tiền 4.000.000đ từ tài khoản Ngân hàng của V sang số tài khoản Ngân hàng của H1. Sau khi nhận được tiền, H1 đưa ma túy Ketamine được đựng trong túi nylon zipper cho V, V cầm số ma túy này đi lên tầng hầm để xe thì gặp T đi xuống, sau đó T và V cùng đi lên phòng 215. Đến nơi, V thấy phòng nhỏ và cách âm không tốt nên nói mọi người đổi sang phòng 303. Sau khi vào phòng, H nhấn tin rủ Phùng Mỹ L và Nguyễn Thị Yến P đến phòng 303 để cùng sử dụng ma túy. Sau đó, V lấy ma túy vừa mua rồi cùng T, H, K, Đ và L sử dụng, còn P thì không sử dụng. Đến khoảng 03h00 cùng ngày, P về trước, sau đó thì H và K cũng đón xe taxi về Trại giam Đ; còn V, T, Đ và L ở lại tiếp tục sử dụng ma túy, đến 03 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ các đồ vật liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Thị Phương V tại tổ dân phố c, phường N, V tự nguyện giao nộp 01 túi nylon trong tủ quần áo của V, bên trong đựng 15 viên nén và chất bột, bao gồm:

- + ^[1] 03 viên nén hình tròn, màu xám, đường kính 0,9cm, dày 0,4cm.
- + ^[2] 01 viên nén hình tròn, màu hồng, đường kính 0,9cm, dày 0,4cm.
- + ^[3] 02 viên nén hình chữ nhật, màu xanh, kích thước 1,1x0,9cm.
- + ^[4] 02 viên nén màu xanh, kích thước 1,1x1,0x0,3cm.
- + ^[5] 03 viên nén màu hồng, kích thước 0,9x1,0x0,3cm.
- + ^[6] 01 viên nén màu nâu, kích thước 0,9x1,0x0,3cm.
- + ^[7] 03 cục chất rắn màu hồng không rõ hình dạng, kích thước.
- + ^[8] Nhiều mẫu chất rắn màu xanh và một ít chất bột màu xanh.

Qua điều tra, T khai nhận đây là ma túy của T mua tại thành phố Hồ Chí Minh, T cất giấu trong tủ quần áo của V để sử dụng dần.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy và xác định tình trạng nghiện ma túy của Trung tâm y tế thành phố Gia Nghĩa xác định: Đoàn Thị Phương V, Bùi Văn T, Phạm Thái H, Ngô Văn K, Đỗ Minh Đ và Phùng Mỹ L dương tính với ma túy loại Methamphetamine và Amphetamine; không phải là người nghiện ma túy.

Bản kết luận giám định số 37/KLMT-PC09 ngày 12/3/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Chất bột màu trắng thu tại phòng số 303 khách sạn N, niêm phong trong bì thư ký hiệu số 01 là ma túy, khối lượng mẫu là 0,540 gam, là Ketamine, hoàn trả sau giám định 0,2292 gam.

- ^[1] 03 viên nén hình tròn, màu xám đường kính 0,9cm, dày 0,4cm là ma túy, có khối lượng mẫu là 1,1184 gam, là Ketamine, hoàn trả sau giám định 0,7908 gam.

- ^[2] 01 viên nén hình tròn, màu hồng đường kính 0,9cm, dày 0,4cm, có khối lượng mẫu là 0,3585 gam, đã tiến hành giám định nhưng chưa đủ căn cứ kết luận mẫu này là chất ma túy, hoàn trả sau giám định 0,1743 gam.

- ^[3] 02 viên nén hình chữ nhật, màu xanh, kích thước 1,1x0,9cm là ma túy, có khối lượng mẫu là 1,0318 gam, là Ketamine, hoàn trả sau giám định 0,6867 gam.

- ^[4] 02 viên nén màu xanh, kích thước 1,1x1,0x0,3cm có khối lượng mẫu là 1,0536 gam, đã tiến hành giám định nhưng chưa đủ căn cứ kết luận mẫu này là chất ma túy, hoàn trả sau giám định 0,5956 gam.

- ^[5] 03 viên nén màu hồng, kích thước 0,9x1,0x0,3cm, là ma túy, có khối lượng mẫu là 1,0619 gam, là MDMA, hoàn trả sau giám định 0,8283 gam.

- ^[6] 01 viên nén màu nâu, kích thước 0,9x1,0x0,3cm có khối lượng mẫu là 0,3588 gam, đã tiến hành giám định nhưng chưa đủ căn cứ kết luận mẫu này là chất ma túy, hoàn trả sau giám định 0,2386 gam

- ^[7] 03 cục chất rắn màu hồng không rõ hình dạng, kích thước, là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,7574 gam, là MDMA, hoàn trả sau giám định 0,5762 gam.

- ^[8] Nhiều mẫu chất rắn màu xanh và một ít chất bột màu xanh có khối lượng mẫu là 1,6645 gam, đã tiến hành giám định nhưng chưa đủ căn cứ kết luận mẫu này là chất ma túy, hoàn trả sau giám định 1,1420 gam (BL 108-109).

Ngày 19/3/2021 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa có quyết định trưng cầu giám định bổ sung về ma túy đối với các chất chưa có kết luận về ma túy gồm: ^[2] 01 viên nén hình tròn, màu hồng đường kính 0,9cm, dày 0,4cm, ^[4] 02 viên nén màu xanh, kích thước 1,1x1,0x0,3cm, ^[6] 01 viên nén màu nâu, kích thước 0,9x1,0x0,3cm, ^[8] Nhiều mẫu chất rắn màu xanh và một ít chất bột màu xanh. Bản kết luận số 347/C09C-Đ2 ngày 26/3/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thuộc Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- ^[2] 0,1743 gam chất rắn màu hồng dạng cục là ma túy, loại MDMA và Ketamine.

- ^[4] 0,5956 gam và ^[8] 1,1420 gam chất rắn màu xanh dạng cục, bột là ma túy, loại MDMA, Methamphetamine và Ketamine.

- ^[6] 0,2386 gam chất rắn màu nâu dạng cục, tìm thấy chất ma túy loại MDMA, hàm lượng MDMA trong mẫu thấp.

Hoàn lại đối tượng giám định có khối lượng 0,10 gam chất rắn màu hồng dạng bột, 0,14 gam chất rắn màu nâu dạng bột và 1,51 gam chất rắn màu xanh dạng bột.

Cáo trạng số: 13/CT-VKS-GN ngày 28-02-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Bùi Văn T và Đoàn Thị Phương V cùng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, g, i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma

túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Phạm Thái H về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa mở ngày 16-5-2022, quá trình xét hỏi, bị cáo Đoàn Thị Phương V cho rằng thời điểm quay về phòng thay đồ và nhìn thấy gói đồ do Bùi Văn T để phía trong tủ quần áo, bị cáo không cầm lên xem và không biết đó là ma túy, nếu biết đó là ma túy thì bị cáo đã không gọi điện cho Đặng Văn H1 để mua ma túy về sử dụng, vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” của bị cáo Đoàn Thị Phương V. Tại công văn số 346/CKS-HS ngày 24-6-2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa trả lời đối với nội dung trả hồ sơ của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa và giữ nguyên Cáo trạng số 13/CT-VKS-GN ngày 28-02-2022.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng pháp luật, không oan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bùi Văn T và Đoàn Thị Phương V phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Phạm Thái H phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c, g, i khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn T 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, và 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội.

Áp dụng điểm c, g, i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đoàn Thị Phương V 06 đến 09 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, và 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Thái H 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định được đựng trong các bì thư; 01 đĩa sứ, 45 túi nilon, 01 cân tiểu ly, 01 thẻ nhựa, 01 bộ đèn nháy, 01 loa nghe nhạc.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*);

Trả cho bị cáo Bùi Văn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4s của Bùi Văn T; Trả cho bị cáo Đoàn Thị Phương V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax gắn sim điện thoại số 0767893456.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa đã trả xe ô tô BKS 52H-279.81 và 01 điện thoại di động iPhone 11 Pro Max gắn sim số 0987691997 cho Đỗ Minh Đ; 01 điện thoại di động iPhone XS gắn sim số 0842458880 cho Phùng Mỹ L và 01 chứng minh nhân dân cho Đoàn Thị Phương V.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị Phương V, ông Huỳnh Đ trình bày: Bị cáo Đoàn Thị Phương V phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là đúng; đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là không có căn cứ buộc tội bị cáo bởi lẽ: Khi bị cáo Bùi Văn T cất số ma túy còn lại vào tủ quần áo của bị cáo V thì hành vi cất giữ đã hoàn thành, bị cáo không biết T để ma túy vào tủ, nếu biết thì bị cáo đã không gọi điện cho Đặng Văn H1 ma túy để tiếp tục sử dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” của bị cáo V. Đồng thời, bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà vị Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T, ông Phạm Hoài Q trình bày: Bị cáo Bùi Văn T đã biết ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, với các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xác định được: Từ khoảng 23 giờ 00 phút ngày 04-3-2021 đến 03 giờ 00 phút ngày 05-3-2021, các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Thị Phương V và Phạm Thái H đã có hành vi cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ cho nhiều người cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại quán Bar L và phòng 303 khách sạn N tại thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Đồng thời Bùi Văn T còn có hành vi cất giấu ma túy trong tủ quần áo của V tại phòng trọ số 112 do Đoàn Thị Phương V thuê thuộc khu vực khách sạn New Sunrise để sử dụng. Đoàn Thị Phương V phát hiện và biết số ma túy này là của T, V cầm lên xem và bỏ lại chỗ cũ, vì vậy bị cáo là đồng phạm với bị cáo T. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý độc quyền của Nhà nước đối với chất ma túy. Các bị cáo có đầy đủ nhận thức được hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Theo bản kết luận giám định: Số ma túy mà Đoàn Thị Phương V và Bùi Văn T tàng trữ bao gồm: **2,1502 gam Ketamine** (^[1] 1,1184 gam Ketamine + ^[3] 1,0318 gam Ketamine); **1,8193 gam MDMA** (^[5] 1,0619 gam MDMA + ^[7] 0,7574 gam MDMA); ^[2] **0,1743 gam** loại MDMA và Ketamine; ^[4] **0,5956 gam** và ^[8] **1,1420 gam** MDMA, Methamphetamine, Ketamine; ^[6] **0,2386 gam** MDMA hàm lượng thấp. Tuy nhiên, đối với số ma túy ^[2] 0,1743 gam loại MDMA và Ketamine, ^[4] 0,5956 gam và ^[8] 1,1420 gam MDMA, Methamphetamine, Ketamine, ^[6] 0,2386 gam MDMA hàm lượng thấp, đây là ma túy đã trộn lẫn và không xác định được hàm lượng, tỷ lệ các chất ma túy trong tổng khối lượng chất ma túy đã giám định, đồng thời không thuộc trường hợp buộc phải giám định hàm lượng, do đó không xác định được khối lượng ma túy trong các mẫu này, vì vậy chỉ đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy đã giám định được khối lượng từng chất gồm: **2,1502 gam Ketamine** (^[1] 1,1184 gam Ketamine + ^[3] 1,0318 gam Ketamine) và **1,8193 gam MDMA** (^[5] 1,0619 gam MDMA + ^[7] 0,7574 gam MDMA). Đây là trường hợp có từ hai chất ma túy trở lên (gồm Ketamine và MDMA) mà khối lượng của từng chất ma túy đều dưới mức tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 5 Nghị định số: 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số Điều của Bộ luật Hình sự, tổng tỷ lệ phần trăm khối lượng ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ được tính như sau:

+ Phần trăm khối lượng MDMA: $(1,8193 \text{ gam} / 5 \text{ gam}) \times 100\% = 36,3\%$.

+ Phần trăm khối lượng Ketamine: $(2,1502 \text{ gam} / 20 \text{ gam}) \times 100\% = 10,7\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm của 02 chất ma túy trên là 47%.

Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine dưới 100%, nên tổng khối lượng của 02 chất ma túy trên thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận Bùi Văn T và Đoàn Thị Phương V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Phạm Thái H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

...

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên;

...

[4]. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây mất trật tự an ninh tại địa phương nói riêng và xã hội nói chung, do đó cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Phạm Thái H quá trình học tập, công tác trong ngành Công an đã có thành tích xuất sắc và được tặng thưởng Bằng khen của Bộ Công an, có ông ngoại là thương binh hạng 3/4; bố ruột của bị cáo đang bị tai biến, bị cáo là lao động chính trong gia đình; gia đình có hoàn cảnh khó khăn; do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thái H. Đối với bị cáo Đoàn Thị Phương V, trước khi bị phát hiện về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị cáo đã tự nguyện chỉ điểm và giao nộp số ma túy được cất giấu tại tủ quần áo của mình cho Cơ quan cảnh sát điều tra, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Mặt khác, nhờ sự khai báo, tố giác tích cực của bị cáo V, Cơ quan cảnh sát điều tra đã nhanh chóng phát hiện tội phạm đối với đối tượng Đặng Văn H1 về tội mua bán trái phép chất ma túy, do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V.

[7]. Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, Hội đồng xét xử cần phân hóa hành vi của từng bị cáo, trên cơ sở đó quyết định hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Bị cáo Bùi Văn T là người giữ vai trò chính, là người rủ rê các bị cáo khác tham gia, bị cáo là người mua ma túy từ tỉnh Bình Dương rồi đưa lên quán bar L rủ các bị cáo Đoàn Thị Phương V, Phạm Thái H và các đối tượng khác sử dụng, số ma túy còn lại bị cáo cất giấu trong tủ quần áo của bị cáo V nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo Đoàn Thị Phương V và Phạm Thái H.

Bị cáo Đoàn Thị Phương V là người rủ Phạm Thái H và Ngô Văn K cùng với các đối tượng sử dụng ma túy, là người trực tiếp gọi điện cho Đặng Văn H1 để mua ma túy với giá 4.000.000đ để tiếp tục sử dụng tại phòng 303 khách sạn N và khi phát hiện số ma túy do bị cáo Bùi Văn T cất giấu trong tủ quần áo của mình, bị cáo cầm lên xem bên trong (Bút lục số 450 ngày 21-3-2021 rồi để lại chỗ cũ nên cũng đồng phạm với bị cáo T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, vì vậy bị cáo V phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo Bùi Văn T và cao hơn bị cáo Phạm Thái H.

Bị cáo Phạm Thái H khi nghe bị cáo Đoàn Thị Phương V rủ rê và yêu cầu góp tiền để mua ma túy tiếp tục sử dụng tại phòng 303 khách sạn N thì đồng ý và chuyển số tiền 4.000.000đ cho bị cáo V để mua ma túy, bị cáo là người rủ Ngô Văn K, Phùng Mỹ L đến phòng 303 khách sạn New Sunrise cùng sử dụng ma túy nên cũng phải xử phạt một mức hình phạt tù nhất định.

Xét thấy, vai trò trong việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo V và H có phần hạn chế hơn so với bị cáo T, đồng thời các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp hơn khung hình phạt bị truy tố để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[9]. Tổng hợp hình phạt: Trong vụ án này, bị cáo Bùi Văn T và Đoàn Thị Phương V bị xét xử cùng 01 lần về nhiều tội, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội.

[10]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông: Về mức hình phạt, đối với bị cáo T và bị cáo H là phù hợp cần chấp nhận, đối với bị cáo Đoàn Thị Phương V là có phần nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử có thể xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[11]. Việc xử lý vật chứng:

Đối với toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định, cùng các công cụ phạm tội gồm 01 đĩa sứ, 45 túi nilon, 01 cân tiểu ly, 01 thẻ nhựa, 01 bộ đèn nháy, 01 loa nghe nhạc cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 200.000đ là công cụ phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu iPhone XS max, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4s của Bùi Văn T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max gắn sim điện thoại số 0767893456 của Đoàn Thị Phương V không phải là công cụ phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với xe ô tô BKS 52H-279.81 và 01 điện thoại di động iPhone 11 Pro Max gắn sim số 0987691997 của Đỗ Minh Đ; 01 điện thoại di động iPhone XS gắn sim số 0842458880 của Phùng Mỹ L và 01 chứng minh nhân dân của Đoàn Thị Phương V không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp cần chấp nhận.

[12]. Đối với đối tượng bán ma túy cho Vy là Đặng Văn H1 đã được xét xử tại bản án số:15/2022/HS-ST ngày 23-03-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

[13]. Đối với Phùng Mỹ L, Đỗ Minh Đ đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

[14]. Đối với đối tượng bán ma túy cho Bùi Văn T tại thành phố Hồ Chí Minh không rõ nhân thân lai lịch nên cần tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[15]. Liên quan đến vụ án, bà Trần Thị Quỳnh N là người quản lý khách sạn N tại thời điểm hành vi phạm tội xảy ra nhưng bà không biết T, H, V thuê phòng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Các dụng cụ sử dụng ma túy mà Đoàn Thị

Phương V lấy tại phòng chị Nguyễn Thị V là của V, chị V không biết việc bị cáo chuẩn bị công cụ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, do đó không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà N và chị V là có căn cứ pháp luật.

[16]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bùi Văn T và Đoàn Thị Phương V phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Phạm Thái H phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Bùi Văn T 01 (Một) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 07 (Bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 08 (Tám) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ 06-03-2021.

1.2. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, r, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Đoàn Thị Phương V 01 (Một) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 04 (Bốn) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đoàn Thị Phương V phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 05 (Năm) năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06-03-2021 đến ngày 15-4-2022.

1.3. 1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Phạm Thái H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 06-03-2021 đến 13-6-2022.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định được đựng trong các bì thư ký hiệu 37/PC09 ghi mẫu M02 hoàn trả sau giám định; bì thư ký hiệu 347/C09C-Đ2; 01 đĩa sứ, 45 túi nilon, 01 cân tiểu ly, 01 thẻ nhựa, 01 đèn nháy, 01 loa nghe nhạc (*có đặc điểm như trong biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ngày 01-4-2022*).

2.2. Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4s cho Bùi Văn T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng cho Đoàn Thị Phương V (*có đặc điểm như trong biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ngày 01-4-2022*).

2.3. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) (*Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, theo ủy nhiệm chỉ giữa Công an thành phố Gia Nghĩa và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa ngày 11-3-2022*)

2.4. Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa đã trả xe ô tô BKS 52H-279.81 và 01 điện thoại di động iPhone 11 Pro Max gắn sim số 0987691997 cho Đỗ Minh Đ; 01 điện thoại di động iPhone XS gắn sim số 0842458880 cho Phùng Mỹ L và 01 chứng minh nhân dân cho Đoàn Thị Phương V.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Bùi Văn T, Đoàn Thị Phương V và Phạm Thái H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan THAHS Công an Tp Gia Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Hồng